

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 20 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT¹.

4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói

¹ Nhà thầu là đơn vị sự nghiệp ngoài công lập được thành lập theo quy định của pháp luật khi tham dự thầu phải đáp ứng các điều kiện nêu tại Mục 5 E-CDNT.

thầu) hoặc Bảng số 02 (đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống. Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, gồm: kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự; năng lực sản xuất hàng hóa; năng lực tài chính gồm giá trị tài sản ròng, doanh thu, việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và các chỉ tiêu cần thiết khác để đánh giá năng lực về tài chính của nhà thầu; cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ cán bộ chuyên môn thực hiện các dịch vụ liên quan (nếu có yêu cầu);

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) hoặc Bảng số 02 (đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của VNĐ tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

Mẫu số 01 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

(Đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm | | | Các yêu cầu cần tuân thủ | | | |
|--------------------------------------|-------|--------------------------------------|--------------------------|-------------------------------|---------------------------|------------------|
| TT | Mô tả | Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm | Nhà thầu độc lập | Nhà thầu liên danh | | Tài liệu cần nộp |
| | | | | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh | |
| | | Yêu cầu | | | | |

| | | | | | | |
|---|--|---|---------------------------|---------------------------|---|---------------------------|
| 1 | Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu | Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽³⁾ . | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Mẫu số 07 |
| 2 | Thực hiện nghĩa vụ thuế | Đã thực hiện nghĩa vụ thuế ⁽⁴⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Cam kết trong đơn dự thầu |
| 3 | Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) | Không yêu cầu | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Mẫu số 08 |
| 4 | Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự | Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: Vệ sinh, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; - Có giá trị tối thiểu: 1.300.000.000 VND. Ghi chú: <i>Nhà thầu phải đính kèm file Hợp đồng; biên bản nghiệm thu hoặc biên bản thanh lý; hóa đơn GTGT;</i> - Hợp đồng tương tự là hợp đồng đã thực hiện trong đó công việc là Vệ sinh, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt ; | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận) | Mẫu số 05A |

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Nhân sự chủ chốt:

| STT | Vị trí công việc | Số lượng | Kinh nghiệm trong các công việc tương tự | Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn ⁽²⁾ |
|-----|------------------|----------|--|--|
|-----|------------------|----------|--|--|

| | | | | |
|---|-----------------|----|-----------------------------------|--|
| 1 | Cán bộ kỹ thuật | 01 | Tối thiểu 03 năm hoặc 01 Hợp đồng | <ul style="list-style-type: none"> - Có trình độ Đại học thuộc chuyên ngành về môi trường hoặc chuyên ngành khác có liên quan về môi trường để phụ trách kỹ thuật, môi trường; - Có CCCD, hợp đồng lao động còn thời hạn với nhà thầu. - Có tham gia bảo hiểm tai nạn lao động còn hiệu lực; - <i>Có tham gia bảo hiểm tai nạn lao động còn hiệu lực;</i> <p><i>Tài liệu chứng minh: Bản sao chứng thực hoặc file scan bản gốc tài liệu nêu trên và tài liệu chứng minh về kinh nghiệm trong công việc tương tự.</i></p> |
| 2 | Công nhân | 12 | Tối thiểu 02 năm hoặc 01 Hợp đồng | <ul style="list-style-type: none"> - Có CCCD, hợp đồng lao động còn thời hạn với nhà thầu. - Có tham gia bảo hiểm tai nạn lao động còn hiệu lực; - <i>Tài liệu chứng minh: Bản sao chứng thực CMND hoặc CCCD và hợp đồng lao động, bảo hiểm tai nạn lao động còn hiệu lực</i> |
| 3 | Tài xế | 02 | Tối thiểu 02 năm hoặc 01 Hợp đồng | <ul style="list-style-type: none"> - Có CCCD, hợp đồng lao động còn thời hạn với nhà thầu. - Có tham gia bảo hiểm tai nạn lao động còn hiệu lực; - Có bằng lái xe hạng B2 trở lên còn hiệu lực; <p><i>Tài liệu chứng minh: Bản sao chứng thực CMND hoặc CCCD và hợp đồng lao động, bảo hiểm tai nạn lao động còn hiệu lực, giấy phép lái xe;</i></p> |

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:

| STT | Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị | Số lượng tối thiểu cần có |
|-----|------------------------------------|---------------------------|
|-----|------------------------------------|---------------------------|

| | | |
|---|---|-----------|
| 1 | Xe ép rác, vận chuyển rác Tài liệu chứng minh: Bản scan chứng thực hoặc bản gốc giấy đăng ký, đăng kiểm còn hiệu lực chứng minh chủ sở hữu hoặc sở hữu của đơn vị cho thuê (Trường hợp thuê phải kèm theo hợp đồng thuê) | 02 |
| 2 | Thùng chứa rác bố trí tại chợ Bản chụp chứng thực hoặc bản gốc hóa đơn (V.A.T) mua hàng chứng minh chủ sở hữu hoặc sở hữu của đơn vị cho thuê (Trường hợp thuê phải kèm theo hợp đồng thuê) | 09 |

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá về kỹ thuật. E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt, bao gồm nội dung sau:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|------------------|
| 3.1 Biện pháp tổ chức thực hiện | | |
| 3.1.1. Sơ đồ | - Có sơ đồ tổ chức bộ máy tổng thể của công ty. - Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý thực hiện gói thầu. - Có thuyết minh sơ đồ. | Đạt |
| | - Không có sơ đồ. - Không có thuyết minh sơ đồ hoặc có thuyết minh nhưng sơ sai không thể hiện rõ chức năng nhiệm vụ trong sơ đồ. | Không đạt |
| 3.1.2. Thuyết minh về các biện pháp thực hiện | Biện pháp thu gom, vận chuyển rác: quy trình kỹ thuật thu gom rác thải; quy trình kỹ thuật vận chuyển chuyển rác thải đến bãi xử lý; biện pháp quản lý chất lượng khối lượng rác thải thu gom; quy trình xử lý rác thải; phương án thu phí vệ sinh môi trường. | Đạt |
| | Không có biện pháp hoặc có nhưng thuyết minh không rõ. | Không đạt |
| 3.1.3 Sơ đồ quy trình thu gom, vận chuyển rác thải | Có sơ đồ, thuyết minh thể hiện đầy đủ, chi tiết quy trình thu gom và vận chuyển rác thải | Đạt |
| | Không có hoặc có sơ đồ, thuyết minh quy trình thu gom và vận chuyển rác thải nhưng không đầy đủ, không hợp lý, không rõ ràng | Không đạt |
| 3.2. Tiến độ, lịch trình cung cấp dịch vụ | | |
| 3.2.1. Thời gian cung cấp dịch vụ: đảm bảo thời gian 36 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực | Đề xuất thời gian cung cấp dịch vụ \geq 36 tháng . | Đạt |
| | Đề xuất về thời gian cung cấp dịch vụ $<$ 36 tháng | Không đạt |
| 3.2.2. Tính phù hợp: | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung | Đạt |

| | | |
|---|---|------------------|
| a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ cung cấp dịch vụ | a) và b). | |
| b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ cung cấp dịch vụ | Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b). | Không đạt |
| 3.3. Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động: | | |
| 3.3.1 Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ | Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ | Đạt |
| | Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ | Không đạt |
| 3.3.2. Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ | Có biện phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ | Đạt |
| | Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ | Không đạt |
| 3.3.3. Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thực hiện | Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thực hiện | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thực hiện | Không đạt |
| 3.4. Kinh nghiệm và uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó | | |
| 3.4.1 Uy tín thông qua việc tham dự thầu | Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu. | Đạt |
| | Có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu. - Có cam kết: Không bị bất kỳ chủ đầu tư hoặc cơ quan chức năng cầm thầu hoặc cảnh cáo vì có hành vi gian lận trong hoạt động đấu thầu. | Không đạt |
| 3.4.2 Cam kết khác. | - Nhà thầu có cam kết huy động nhân sự và thiết bị đúng theo HSDT; - Nhà thầu có cam kết cung cấp bản gốc (bản chính) tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT trong quá trình được mời vào đối chiếu tài liệu; | Đạt |
| | - Nhà thầu không có cam kết huy động nhân sự và thiết bị đúng theo HSDT; - Nhà thầu không có cam kết cung cấp bản gốc | Không đạt |

| | | |
|-----------------|--|------------------|
| | (bản chính) tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT trong quá trình được mời vào đối chiếu tài liệu; | |
| Kết luận | “Đạt” tất cả các nội dung nêu trên | Đạt |
| | “ Không đạt” bất cứ nội dung nào nêu trên | Không đạt |

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 30 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) cộng ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.